

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2017/HS-ST.
Ngày: 16-10-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Mai.

- **Các hội thẩm nhân dân:** 1/ Bà Y B lư.

2/ Bà Nguyễn Thị Sương.

- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Duyên - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố KonTum.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 16-10-2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 67/2017/TLST-HS ngày 06-9-2017 đối với các bị cáo:

1/ Võ Minh T, sinh năm 1973 tại Kon Tum.

Trú tại: Trần Nhân T, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Thợ hồ, trình độ văn hóa 06/12.

Con ông Võ Văn T, sinh năm: 1941 và bà Võ Thị H, sinh năm: 1945.

Vợ Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2011.

Cùng trú tại: Trần Nhân T, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2017 đến ngày 05/5/2017 được thay thế bằng biện pháp “bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2/ Đào Trịnh Khánh L, sinh năm 1973 tại Bình Định.

Nơi ĐKKHKT: Nguyễn H, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Chỗ ở hiện nay: Lê Hồng P, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Buôn bán, trình độ văn hóa 12/12.

Con ông Đào Duy Minh Đ (đã chết) và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1950.

Chồng Lâm Cung T, sinh năm 1972. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2006.

Cùng trú tại: Lê Hồng P, phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Năm 2008 bị TAND thị xã Kon Tum (nay là thành phố Kon Tum) xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo đã được xóa án tích.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2017 đến ngày 05/5/2017 được thay thế bằng biện pháp “bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3/ Trần Thị H, sinh năm 1978 tại Kon Tum.

Trú tại: Sư Vạn H, phường Duy T, TP Kon T, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Buôn bán, trình độ văn hóa 6/12.

Con ông Trần Văn M, sinh năm 1951 và bà Thái Thị T, sinh năm 1950.

Chồng Nguyễn Bá T, sinh năm 1970 (đã ly hôn). Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2005. Năm 2008 bị TAND thị xã Kon Tum (nay là thành phố Kon Tum) xử phạt 06 tháng 09 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo đã được xóa án tích.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2017 đến ngày 05/5/2017 được thay thế bằng biện pháp “bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4/ Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1991 tại Kon Tum.

Trú tại: Phan Chu T, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Làm nông, trình độ văn hóa 12/12.

Con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1944 và bà Võ Thị P (đã chết).

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2017 đến ngày 05/5/2017 được thay thế bằng biện pháp “bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5/ Cù Văn T, sinh năm 1983 tại Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 1, p Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Chỗ ở hiện nay: Lý Thường K, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Buôn bán, trình độ văn hóa 09/12.

Con ông Cù Văn T, sinh năm 1957 và bà Mai Thị H, sinh năm: 1964.

Vợ Hoàng Thu T, sinh năm 1982. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009; con nhỏ sinh năm 2013.

Cùng trú tại: Lý Thường K, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2017 đến ngày 05/5/2017 được thay thế bằng biện pháp “bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6/ Hoàng Thị Kiều M, sinh năm 1967 tại Thừa Thiên Huế.

Trú tại: Đào Duy T, p Thống N, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Nội trợ, trình độ văn hóa 05/12.

Con ông Hoàng Q (đã chết) và bà Hồ Thị Đ (đã chết)

Chồng Đỗ Văn T, sinh năm 1960. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1988; con nhỏ sinh năm 1993.

Cùng trú tại: Đào Duy T, phường Thống N, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2017 đến ngày 05/5/2017 được thay thế bằng biện pháp “bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7/ Nguyễn Thị Thủy S, sinh năm 1981 tại Kon Tum.

Trú tại: Tổ 1, phường Lê L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Nghề nghiệp: Buôn bán, trình độ văn hóa 06/12.

Con ông Nguyễn Ngọc M và bà Huỳnh Thị Mai X.

Chồng Cao Sỹ M, sinh năm 1974. Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2004; con nhỏ sinh năm 2011.

Cùng trú tại: Tổ 1, phường Lê L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2017 đến ngày 05/5/2017 được thay thế bằng biện pháp “bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố các bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 21/4/2017 Nguyễn Thị Thủy S, Trần Thị H, Nguyễn Thị Thanh N, Đào Trịnh Khánh L đến nhà Võ Minh T để chơi thì T có rủ mọi người đánh bài xì lát ăn tiền cho vui và để T thu tiền hồ (tiền xâu), tất cả đều đồng ý. T lấy một chiếc chiếu và một tấm chăn bằng vải trải xuống sàn phòng bếp, sau đó T đi mua 05 bộ

bài tú lơ khơ (loại 52 quân bài) và lấy 01 đĩa sứ để cho mọi người chơi với luật chơi mỗi ván người nào cầm cái thì sử dụng bộ bài trên chia cho những người chơi mỗi người 02 quân bài và đặt tiền, người chơi kiểm tra bài tùy theo bài để quyết định bốc thêm quân bài hay không (điểm không quá 21), sau khi những người chơi bài đã không bốc thêm bài nữa thì đến lượt người cầm cái bốc bài của mình và kiểm tra đối chiếu bài giữa người cầm cái với người chơi bài xem ai thắng thì người cầm cái phải trả tiền thắng bằng số tiền đặt cược và thu tiền những người thua, hết ván bài muốn cầm cái thì cầm nhưng không được cầm cái quá 03 ván liên tục, cứ như vậy xoay tròn theo chiều kim đồng hồ và số tiền đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng/ ván, cao nhất là 200.000đồng/ván, sau một lượt cầm cái tùy theo người cầm cái thắng nhiều thì cho Võ Minh T 50.000 đồng chứ không ép buộc. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì Hoàng Thị Kiều M và Cù Văn T đến nhà T chơi thấy L, N, S, H đang ngồi chơi bài xì lát ăn tiền nên cũng ngồi xuống cùng chơi bài. Trước khi chơi bài H bỏ ra 1.000.000 đồng, N bỏ ra 1.800.000 đồng, L bỏ ra 3.000.000 đồng, Sơn bỏ ra 3.000.000 đồng, T bỏ ra 2.000.000 đồng, M bỏ ra 2.000.000 đồng. Cả bọn đánh bài đến 17 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Công an thành phố Kon T bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc là 12.400.000 đồng, thu tiền hồ của Võ Minh T là 400.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng, 04 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng, 01 tấm chăn bằng vải màu vàng nhạt, 01 chiếc chiếu màu trắng, xanh, vàng, 01 đĩa sứ màu trắng. Tạm giữ trong người của T 13.790.000 đồng và 01 điện thoại di động cảm ứng LENOVO màu đen, tạm giữ trong người của M số tiền 615.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, tạm giữ trong người H 3.200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng, tạm giữ trong người N 17.165.000 đồng và 1 điện thoại di động Iphone 7 màu trắng, tạm giữ trong người L số tiền 22.800.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, tạm giữ trong người Sơn 400.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia màu xanh.

Tại bản cáo trạng số 68/KSĐT - TA ngày 05/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố các bị cáo Võ Minh T, Nguyễn Thị Thủy S, Trần Thị H, Nguyễn Thị Thanh N, Đào Trịnh Khánh L, Hoàng Thị Kiều M và Cù Văn T về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Võ Minh T từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Đào Trịnh Khánh L từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Trần Thị H từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Thủy S; bị cáo Nguyễn Thị Thanh N; bị cáo Cù Văn T; bị cáo Hoàng Thị Kiều M mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập cho tất cả các bị cáo. Về vật chứng vụ án và án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa , căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa , trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ , ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác ,

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 15 giờ ngày 21/4/2017 tại số nhà 261 Trần Nhân T, phường Quang T, thành phố Kon T, bị cáo Võ Minh T đã rủ Nguyễn Thị Thủy S, Trần Thị H, Nguyễn Thị Thanh N, Đào Trịnh Khánh L đánh bài ăn tiền dưới dạng xì lát để T thu tiền hồ vạt cả đồng ý, đến 16 giờ cùng ngày Cù Văn T và Hoàng Thị Kiều M đến nhà T thấy đang đánh bài ăn tiền cũng ngồi vào chơi. Đến khoảng 17 giờ 15 phút khi tất cả đang ngồi chơi bài thì bị Công an thành phố Kon T bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc 12.400.000 đồng, thu tiền hồ của Võ Minh T là 400.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo phạm tội “*Đánh bạc*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự đúng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đánh bài được thua bằng tiền là một tệ nạn xã hội có thể dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khác. Mặt khác, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy, việc đưa vụ án ra xét xử công khai là cần thiết, đồng thời cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng có hành vi khởi xướng, tạo điều kiện cho các bị cáo còn lại thực hiện hành vi đánh bạc, do vậy cần xử phạt bị cáo Võ Minh T mức án phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với bị cáo Đào Trịnh Khánh L, Trần Thị H năm 2008 các bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Kon Tum xử phạt mức án tù nhưng cho hưởng án treo đến nay đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích nhưng cần phải xử phạt các bị cáo mức án cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo Nguyễn Thị Thủy S, Nguyễn Thị Thanh N, Cù Văn T và Hoàng Thị Kiều M cũng cần xử phạt mỗi bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Song xét thấy sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng đối với các bị cáo Võ Minh T, Nguyễn Thị Thủy S, Nguyễn Thị Thanh N, Hoàng Thị Kiều M và Cù Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, xét thấy các bị cáo Trần Thị H, Hoàng Thị Kiều M hiện đang trong thời gian điều trị bệnh, bị cáo Trần Thị H có mẹ là bà Thái Thị T là người có công với cách mạng, các bị cáo Võ Minh T, Đào Trịnh Khánh L; Trần Thị H, Nguyễn Thị Thủy S; Hoàng Thị Kiều M có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình và đều đang phải nuôi con nhỏ ăn học có xác nhận của chính quyền địa phương nên được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự áp dụng cho các bị cáo được hưởng.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để các bị cáo tích cực lao động, cải tạo. Xét các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, có công việc nhưng thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo. Các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2017 đến ngày 05/5/2017 là (15 ngày) được thay thế bằng biện pháp “bảo lãnh” nên thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn cải tạo không giam giữ cho các bị cáo, 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon T đã thu giữ trong người của T 13.790.000 đồng và 01 điện thoại di động cảm ứng LENOVO màu đen, trong người của M số tiền 615.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, trong người H 3.200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu trắng, trong người N 17.165.000 đồng và 1 điện thoại di động Iphone 7 màu trắng, trong người L số tiền 22.800.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, trong người Sơn 400.000 đồng và 01 điện thoại di động Nokia màu xanh. Xét thấy các tài sản trên không liên quan đến việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Kon T đã trả lại cho các bị cáo là đúng với quy định của pháp luật.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng, 04 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng, 01 tấm chắn bằng vải màu vàng nhạt, 01 chiếc chiếu màu trắng, xanh, vàng, 01 đĩa sứ màu trắng là công cụ để các bị cáo dùng đánh bài ăn tiền. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên căn cứ điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 12.800.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bài được thua bằng tiền, cụ thể: H bỏ ra 1.000.000 đồng, N bỏ ra 1.800.000 đồng, L bỏ ra 3.000.000 đồng, S bỏ ra 3.000.000 đồng, T bỏ ra 2.000.000 đồng, M bỏ ra 2.000.000 đồng để đánh bạc (trong đó có 400.000 đồng các bị cáo bỏ tiền xâu cho Võ Minh T). Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.800.000 đồng (*Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Võ Minh T, Đào Trịnh Khánh L, Trần Thị H, Nguyễn Thị Thủy S, Nguyễn Thị Thanh N, Hoàng Thị Kiều M, Cù Văn T phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Đào Trịnh Khánh L và Trần Thị H.

Xử phạt bị cáo Đào Trịnh Khánh L 24 (*Hai mươi bốn*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 15 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 45 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 22 tháng 15 ngày.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 18 (*Mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 15 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 45 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 16 tháng 15 ngày.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Võ Minh T, Nguyễn Thị Thủy S và Hoàng Thị Kiều M.

Xử phạt bị cáo Võ Minh T 24 (*Hai mươi bốn*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 15 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 45 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 22 tháng 15 ngày.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thủy S 15 (*Mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 15 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 45 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 13 tháng 15 ngày.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Kiều M 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 15 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 45 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 10 tháng 15 ngày.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh N và Cù Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N 15 (*Mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 15 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 45 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 13 tháng 15 ngày.

Xử phạt bị cáo Cù Văn T 13 (*Mười ba*) tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 15 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 45 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 11 tháng 15 ngày. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Giao bị cáo Đào Trịnh Khánh L, Võ Minh T cho Ủy ban nhân dân phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thanh N, Cù Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thủy S cho Ủy ban nhân dân phường Lê L, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Hoàng Thị Kiều M cho Ủy ban nhân dân phường Thống N, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về vật chứng vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng, 04 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng, 01 tấm chăn bằng vải màu vàng nhạt, 01 chiếc chiếu màu trắng, xanh, vàng, 01 đĩa sứ màu trắng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 12-10-2017 giữa cơ quan điều tra công an thành phố Kon T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon T.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.800.000 đồng (*Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*) theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 12/10/2017, nộp vào tài khoản số 3949.0.1047677.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon T

Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-02-2016.

Buộc các bị cáo Võ Minh T, Nguyễn Thị Thủy S, Trần Thị H, Nguyễn Thị Thanh N, Đào Trịnh Khánh L, Hoàng Thị Kiều M, Cù Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16-10-2017) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HĐXX SƠ THẨM – TAND THÀNH PHỐ KON TUM
Các hội thẩm nhân dân Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ SƯƠNG NGUYỄN VĂN THẬP NGUYỄN THỊ NHƯ' MAI